

Bản án số: 108/2018/HSST
Ngày 21-06-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lương Thị Thanh Hảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Mai

Ông Hồ Sỹ Tiến

- Thư ký Phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Nga – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia Phiên tòa: Ông Đoàn Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 06 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 87/2018/HSST ngày 16 tháng 05 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/HSST- QĐXX ngày 06 tháng 06 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn B, sinh năm 1995 (không xác định ngày, tháng sinh) tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký HKTT: Số 40/11 B, Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: không; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C (chết) và bà Đặng Thị Q; tiền sự: Quyết định số 25/QĐ-TA ngày 02-06-2016 của Tòa án nhân dân thành phố V áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 16 tháng; tiền án: không; bị bắt ngày 06 tháng 03 năm 2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

2. Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Bé Ổ), sinh ngày 27-07-1989 tại Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi đăng ký HKTT: Số 49/1 T, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: không; trình độ văn hoá: không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn O và bà Trịnh Lệ T; chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Bé M, có hai con sinh năm 2012 và 2015; tiền sự: Quyết định số 197/QĐ-TA ngày 05-04-2016 của Tòa án nhân dân thành phố V áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 14 tháng; tiền án: không; bị bắt ngày 06 tháng 03 năm 2018, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V (có mặt).

Bị hại: Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1993; cư trú tại: Số 562/16 T, Phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Nhựt P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số 50/1 Tr, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại Pên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 25-01-2018, Nguyễn Văn B đi bộ đến hẻm 562 Trần Phú, Phường 5, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu để trộm cắp tài sản. Khi đến khu vực trước số nhà 562/18 Trần Phú, B quan sát qua cửa nhà thấy chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Glaxy J7 Pro, màu vàng của chị Phạm Thị Ngọc H để ở trên bàn. Thấy trong nhà không có người B lén lút đi vào lấy chiếc điện thoại cất giấu vào túi quần rồi tẩu thoát. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày B mang điện thoại đến gặp Nguyễn Văn Đ giao cho Đ mang đi tiêu thụ.

Mặc dù biết rõ điện thoại B đưa là tài sản có nguồn gốc do trộm cắp mà có nhưng Đ vẫn đồng ý mang đi tiêu thụ. Đ đem chiếc điện thoại đến cửa hàng mua bán điện thoại “Tuấn” số 24 N, Phường B, thành phố V bán cho anh Nguyễn Nhựt P. Đ nói với anh P “ chiếc điện thoại đang xài do bị rớt bể mặt kính, không thích xài nữa nên bán”. Anh P kiểm tra và đồng ý mua chiếc điện thoại với giá 2.100.000 đồng. Đ mang tiền về giao lại cho B và được B chia cho 500.0000 đồng, số tiền còn lại B giữ tiêu xài cá nhân. Sau khi mua điện thoại, anh P đã bán lại chiếc điện thoại hiệu Samsung Glaxy J7 Pro màu vàng cho một người không xác định được nhân thân với giá 2.800.000 đồng, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng.

Tại Cơ quan điều tra, B và Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Anh Nguyễn Nhựt P không biết tài sản do Nguyễn Văn Đ bán có có nguồn gốc do phạm tội mà nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Biên bản xác định giá trị tài sản của Hội đồng định giá xác định: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Glaxy J7 Pro màu vàng trị giá 2.850.000 đồng.

Bản cáo trạng số 88/CT-VKS ngày 15-05-2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố Nguyễn Văn B về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Nguyễn Văn Đ về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại Pên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi bị cáo B thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “ Trộm cắp tài sản”; hành vi bị cáo Đ thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 323; điểm i , s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt các bị cáo mức án từ 06 đến 09 tháng tù.

Quá trình điều tra cũng như tại Pên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Viện kiểm sát, công nhận Viện kiểm sát truy tố đúng tội danh; bị cáo không có ý

kiến gì tự bào chữa cho hành vi phạm tội của mình, chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Pên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại Pên tòa bị cáo B xác định đã lợi dụng sự sơ hở của chủ tài sản, lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Samsung Glaxy J7 Pro màu vàng trị giá 2.850.000 đồng của người bị hại, sau đó đưa cho Đ mang đi tiêu thụ. Bị cáo Đ xác định biết rõ tài sản do B phạm tội mà có nhưng Đ vẫn mang bán điện thoại lấy 2.100.000 đồng về giao cho B rồi chia nhau tiêu xài.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các đương sự trong vụ án, kết quả định giá và các tài liệu chứng cứ khác đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thu thập trong hồ sơ vụ án và thẩm tra lại tại Pên tòa. Hành vi bị cáo B thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; hành vi bị cáo Đ thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự 2015.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều đã có một tiền sự bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc nhưng vẫn phạm tội để có tiền sử dụng ma túy. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm theo quy định pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại Phạm Thị Ngọc H yêu cầu các bị cáo bồi thường tài sản bị mất số tiền 6.999.000 đồng.

- Người liên quan Nguyễn Nhựt P không có yêu cầu gì thêm, nên HĐXX không xem xét.

- Tại Pên tòa, bị cáo B tự nguyện đồng ý bồi thường toàn bộ tài sản bị mất cho chị Phạm Thị Ngọc H số tiền 6.999.000 đồng.

Xét yêu cầu của đương sự có căn cứ, sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị cáo và đương sự đúng quy định pháp luật nên công nhận sự thỏa thuận này.

[6] Về án phí : Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 5% giá trị tài sản phải bồi thường.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Văn B 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 03 năm 2018.

3. Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm i , s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Văn Đ 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 06 tháng 03 năm 2018.

4. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015; Nguyễn Văn B có nghĩa vụ bồi thường cho chị Phạm Thị Ngọc H số tiền 6.999.000 đồng (sáu triệu chín trăm chín mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, Nguyễn Văn B phải nộp 350.000 đ (ba trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Lương Thị Thanh Hảo